

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI AN

DANH SÁCH VIÊN CHỨC NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN
DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC NĂM HỌC 2024-2025

(Ban hành kèm theo Thông báo số 638 /TB-UBND ngày 09/6/2025 của Ủy ban nhân dân quận Hải An)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh	Lương hiện hưởng					Lương được nâng			Số tháng được nâng bậc lương trước thời hạn	Thành tích tập thể (Đối với lãnh đạo)	Cấp độ thành tích cá nhân
				Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Thời gian xét nâng bậc lương lần sau	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng và thời gian xét nâng bậc lương lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Trường mầm non Cát Bi; 03 người													
1	Nguyễn Thị Kim Dung	08/5/1977	P. Hiệu trưởng	Hạng II	V.07.02.25	7	4,32	01/9/2022	8	4,65	01/12/2024	9	- Chi bộ HTXSNV năm 2023, năm 2024 - Tập thể LDSX năm học 2022-2023, 2023-2024.	- UBND TP tặng bằng khen năm học 2023-2024. - LĐTT năm học 2023-2024, 2024-2025
2	Hoàng Thị Thu Hà	13/2/1976	Giáo viên	Hạng II	V.07.02.25	7	4,32	01/11/2022	8	4,65	01/5/2025	6		- HTXSNV năm học 2022-2023. - LĐTT năm học 2022-2023, 2023-2024
3	Hà Thị Hồng Thái	26/9/1979	Nhân viên KT	Kế toán viên	6.031	7	4,32	01/6/2022	8	4,65	01/12/2024	6		- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2024-2025 - LĐTT năm học 2023-2024, 2024-2025.
II	Trường mầm non Đằng Lâm: 01 người													
1	Phạm Thị Bắc	14/02/1980	Phó hiệu trưởng	Hạng III	V.07.02.26	8	4,27	01/11/2022	9	4,58	01/02/2025	9	- Chi bộ hoàn thành xuất sắc năm 2023, năm 2024 - Trường đạt tập thể lao động xuất sắc năm học 2023-2024 và năm học 2024-2025	- Bộ giáo dục Đào tạo tặng Bằng khen năm học 2022-2023. - CSTĐ cơ sở năm học 2023-2024 và năm học 2024-2025

III	Trường mầm non Đằng Hải: 03 người													
1	Bùi Thị Loan	07/01/1985	Giáo viên	GV MN Hạng III	V.07.02.26	3	2,72	01/7/2022	4	3,03	01/01/2025	6		- CSTĐCS năm học 2021-2022 - Lao động tiến năm 2023-2024, 2024-2025
2	Trần Thị Hạnh	10/12/1987	Giáo viên	GV MN Hạng IV	V.07.02.06	4	2,46	01/10/2023	5	2,66	01/01/2025	9		- CSTĐCS năm học 2023-2024, 2024-2025 - LĐTT 2023-2024, 2024-2025
3	Nguyễn Thị Minh Hằng	06/09/1989	Giáo viên	GV MN Hạng III	V.07.02.26	3	2,72	01/09/2022	4	3,03	01/3/2025	6		- CSTĐCS năm học 2024-2025 - LĐTT năm học năm học 2023-2024.
IV	Trường mầm non Đông Hải 1: 02 người													
2	Trịnh Thị Hoàn	16/6/1977	HT	GVMN Hạng II	V.07.02.25	7	4,32	01/6/2022	8	4,65	01/09/2024	9	- Chi bộ HTSXNV 2023, 2024. - Năm học 2022-2023 trường đạt cờ thi đua xuất sắc của thành phố. - Năm học 2023-2024 Bằng khen của UBND thành phố.	- UBND thành phố tặng bằng khen năm học 2023-2024. - LĐTT năm 2022-2023, 2023-2024.
1	Vũ Thị Thu Hương	14/12/1981	Giáo viên	GV MN Hạng III	V.07.02.26	7	3,96	01/03/2022	8	4,27	01/9/2024	6		- CSTĐCS năm học 2020-2021 - LĐTT năm học 2023-2024, 2024-2025
V	Trường mầm non Đông Hải 2: 02 người													
1	Nguyễn Thị Tuyền	07/8/1985	Giáo viên	Hạng III	V.07.02.25	6	3,65	01/6/2022	7	3,96	01/12/2024	6		- CSTĐCS năm học 2023-2024. - LĐTT năm học 2023-2024, 2024-2025.
2	Phạm Thị Thu Trang	03/10/1981	Nhân viên KT	Kế toán viên	6.031	5	3,66	01/8/2022	6	3,99	01/02/2025	6		- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2024-2025. - LĐTT năm học 2022-2023, 2023-2024.
VI	Trường Mầm non Nam Hải: 02 người													
1	Ngô Thị Thu Hường	22/04/1984.	Hiệu trưởng	Hạng II	V.07.02.25	7	4,32	01/10/2022	8	4,65	01/01/2025	9	- Chi bộ HTTNV năm 2023, 2024 - Tập thể LDSX năm học 2022 - 2023, LĐTT năm học 2023 - 2024, 2024 -2025	- CSTĐCS năm học 2022-2023, 2023-2024 - LĐTT năm học 2023-2024, 2024-2025

2	Phạm Thị Kim Liên	19/10/1978	Phó hiệu trưởng	Hạng 2	V.07.02.25	8	4,65	01/12/2022	9	4,98	01/3/2025	9	- Chi bộ HTTNV năm 2023, 2024 - Tập thể LĐSX năm học 2022 - 2023, LĐTT năm học 2023 - 2024, 2024 -2025	- CSTĐCS năm học 2023-2024, 2024-2025 - LĐTT năm học 2022-2023, 2023-2024
VII Trường mầm non Trảng Cát: 02 người														
1	Đỗ Thị Loan	28/10/1989	Giáo viên	GV MN Hạng III	V.07.02.26	3	2,72	01/09/2022	4	3,03	01/03/2025	6		- HTSXNV năm học 2023-2024 - LĐTT năm học 2023-2024; 2024-2025
2	Nguyễn Thị Lan Anh	02/08/1987	Giáo viên	GV MN Hạng III	V.07.02.26	1	2,1	01/06/2022	2	2,41	01/12/2024	6		- HTSXNV năm học 2024-2025 - LĐTT năm học 2023-2024; 2024-2025
VIII Trường Tiểu học Cát Bi: 07 người														
1	Nguyễn Thị Hà Giang	04/11/1975	Phó HT	GVTH Hạng II	V.07.03.28	4	5,02	01/06/2022	5	5,36	01/06/2024	12	- Chi bộ HTSXNV năm 2023; HTTNV 2024 - Tập thể LĐSX năm 2023-2024; LĐTT năm 2024-2025	- CSTĐ Thành phố năm 2021 - LĐTT năm học 2023-2024; 2024-2025
2	Nguyễn Thị Sâm	01/03/1974	Giáo viên - Tổ trưởng	GVTH Hạng II	V.07.03.28	5	5,36	01/07/2022	6	5,7	01/10/2024	9		- CSTĐCS năm 2024; 2025. - LĐTT năm học 2023-2024; 2024-2025
3	Nguyễn Thị Hằng	01/01/1974	Giáo viên	GVTH Hạng II	V.07.03.28	4	5,02	01/10/2022	5	5,36	01/04/2025	6		- HTSXNV năm 2025 - LĐTT năm 2023-2024; 2024-2025
4	Đồng Thị Thu Hằng	16/10/1977	Giáo viên	GVTH Hạng II	V.07.03.28	1	4	01/01/2022	2	4,34	01/07/2024	6		- HTSXNV năm 2023 - LĐTT năm 2023-2024; 2024-2025
5	Vũ Thị Thuần	17/10/1976	Giáo viên	GVTH Hạng II	V.07.03.28	2	4,34	01/10/2022	3	4,68	01/04/2025	6		- HTSXNV năm 2025 - LĐTT năm 2023-2024; 2024-2025
6	Vũ Thị Thu Hiền	26/4/1976	Kế toán viên	Kế toán viên Hạng III	V.03.061	8	4,65	01/11/2022	9	4,98	01/05/2025	6		- HTSXNV năm 2025 - LĐTT năm 2023-2024; 2024-2025

7	Nguyễn Thu Hà Trang	23/01/1997	Giáo viên	GVTH Hạng III	V.07.03.29	1	2,34	01/11/2022	2	2,67	01/05/2025	6		- HTSXNV năm 2025 - LĐTT năm 2023-2024; 2024-2025
IX	Trường Tiểu học Đăng Lâm: 06 người													
1	Vũ Thị Mùi	14/02/1980	Giáo viên	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.28	2	4,34	01/03/2022	3	4,68	01/6/2024	9		- CSTĐCS năm học: 2020- 2021 và năm học 2021-2022: - LĐTT năm học 2023 -2024; 2024- 2025
2	Nguyễn Thị Thu Hà	07/08/1978	Giáo viên	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.28	1	4	01/05/2022	2	4,34	01/11/2024	6		- CSTĐCS năm học 2018- 2019 - LĐTT năm học 2023 -2024; 2024- 2025
3	Đặng Thị Tuyết Mai	19/7/1980	Giáo viên	Giáo viên TH hạng III	V.07.03.29	5	3,66	01/3/2022	6	3,99	01/9/2024	6		- CSTĐCS năm học 2017- 2018 - LĐTT năm học 2023 -2024; 2024- 2025
4	Phạm Thị Huệ	23/11/1977	Giáo viên	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.28	1	4	01/12/2022	2	4,34	01/6/2025	6		- Hoàn thành XSNV năm học 2022- 2023 - LĐTT năm học 2023 -2024; 2024- 2025
5	Hoàng Thị Nhài	03/03/1981	Giáo viên	Giáo viên TH hạng II	V.07.03.28	2	4,34	01/4/2022	3	4,68	01/10/2024	6		- Hoàn thành XSNV năm học 2022- 2023 - LĐTT năm học 2023 - 2024; 2024- 2025
6	Nguyễn Thị Phương Thúy	29/07/1997	Giáo viên	Giáo viên TH hạng III	V.07.03.29	1	2,34	01/11/2022	2	2,67	01/5/2025	6		- Hoàn thành XSNV năm học 2024- 2025 - LĐTT năm học 2023 - 2024; 2024- 2025

X	Trường Tiểu học Thành Tô: 02 người													
1	Vũ Thị Thanh Tâm	20/10/1990	Giáo viên	Giáo viên tiểu học Hạng III	V.07.02.29	2	2,67	1/12/2022	3	3	01/06/2025	6		- HTSXNV năm học 2023 - 2024 - Lao động tiền năm 2023-2024, 2024-2025
2	Hoàng Thị Diệu Thúy	04/04/1989	Giáo viên	Giáo viên tiểu học Hạng III	V.07.02.29	1	2,34	01/05/2022	2	2.67	01/11/2024	6		- CSTĐCS năm 2024-2025 - LĐTT năm học năm học 2023-2024, 2024-2025.
XI	Trường Tiểu học Đông Hải 1: 05 người													
1	Đinh Thị Vần	13/11/1980	Phó Hiệu trưởng, CTCĐ	Hạng II	V.07.03.28	1	4,00	01/01/2022	2	4,34	01/04/2024	9	- Chi bộ HTTNV năm 2023; HTSXNV năm 2024 - Tập thể LĐXS năm học 2023-2024. - Cờ thi đua Thành phố năm học 2024-2025.	- CSTĐCS năm học 2023-2024; 2024-2025. - HTSXNV năm học 2023-2024; 2024-2025.
2	Trịnh Thị Thúy	13/11/1982	Giáo viên, Tổ trưởng	Hạng II	V.07.03.28	1	4,00	01/05/2022	2	4,34	01/11/2024	6		- CSTĐCS năm 2023-2024; - LĐTT năm 2024, hoàn thành XSNV năm 2024
3	Nguyễn Nguyệt Thu	18/11/1977	Giáo viên	Hạng III	V.07.03.29	6	3,99	01/01/2022	7	4,32	01/07/2024	6		- CSTĐCS năm 2024-2025; - LĐTT năm 2023, 2024.
4	Phạm Thị Bạch Yến	20/8/1979	Giáo viên	Hạng II	V.07.03.28	1	4,00	01/03/2022	2	4,34	01/09/2024	6		- Hoàn thành XSNV năm học 2024-2025. - LĐTT năm 2023, 2024;
5	Trần Thị Thu Huyền	02/02/1980	NV Kế toán, Tổ trưởng VP	Kế toán viên	V.06.031	5	3,66	01/9/2022	6	3,99	01/03/2025	6		- Hoàn thành XSNV năm học 2024-2025. - Đạt LĐTT năm 2023, 2024;
XII	Trường Tiểu học Nam Hải: 03 người													
1	Phạm Thị Thanh Nhân	26/02/1978	GVVH	GVTH Hạng II	V.07.03.28	3	4,68	01/12/2022	4	5,02	01/6/2025	6		- Hoàn thành XSNV năm 2023. - LĐTT năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025.
2	Phùng Thị Kim Liên	01/5/1974	GVVH	GVTH Hạng III	V.07.03.29	8	4,65	01/3/2022	9	4,98	01/9/2024	6		- Hoàn thành XSNV năm 2023. - LĐTT năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025.

3	Lê Thị Liên	04/9/1974	GVVH	GVTH Hạng II	V.07.03.28	4	5,02	01/9/2022	5	5,36	01/3/2025	6		- Hoàn thành XSNV năm 2023. - LĐTТ năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025.
XIII Trường Tiểu học Trảng Cát: 05 người														
1	Lương Thị Thanh Hà	29/05/1981	TT Tổ khối 3	GVTH hạng II	V.07.03.28	2	4,34	01/06/2022	3	4,68	01/09/2024	9		- CSTĐCS năm học 2022-2023, 2023 - 2024 - LĐTТ năm học năm học 2023-2024, 2024-2025.
2	Nguyễn Thị Hòa Bình	15/06/1974	TT Tổ khối 1	GVTH hạng II	V.07.03.28	5	5,36	01/08/2022	6	5,7	01/02/2025	6		- HTSXNV năm học 2024 - 2025. - LĐTТ năm học 2023-2024, 2024- 2025.
3	Vì Hồng Tuyết	09/09/1972	TT Tổ khối 2	GVTH hạng II	V.07.03.28	5	5,36	01/09/2022	6	5,7	01/03/2025	6		- HTSXNV năm học 2024 - 2025. - LĐTТ năm học 2023-2024, 2024- 2025.
4	Đỗ Thị Kim Nga	24/12/1976	Giáo viên	GVTH hạng II	V.07.03.28	3	4,68	01/09/2022	4	5,02	01/03/2025	6		- HTSXNV năm học 2024 - 2025. - LĐTТ năm học 2023-2024, 2024- 2025.
5	Vũ Thị Lệ	10/11/1987	Giáo viên	GVTH hạng III	V.07.03.29	3	3	01/11/2022	4	3,33	01/05/2025	6		- HTSXNV năm học 2024 - 2025. - LĐTТ năm học 2023-2024, 2024- 2025.
XIV Trường Tiểu học và THCS Đông Hải 2: 06 người														
1	Vũ Kim Thái	20/03/1990	Giáo viên	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	1	2,34	01/11/2022	2	2,67	01/05/2025	6		- CSTĐCS năm 2024-2025 - LĐTТ 2023-2024; 2024-2025
2	Nguyễn Thị Ngọc	12/11/1988	Giáo viên	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	2	2,67	01/11/2022	3	3,00	01/05/2025	6		- CSTĐCS năm 2024-2025 - LĐTТ 2023-2024; 2024-2025
3	Vũ Thị Hà	05/10/1977	Giáo viên	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	6	3,99	01/09/2022	7	4,32	01/03/2025	6		- HTXS NV 2024-2025 - LĐTТ 2023-2024; 2024-2025
4	Nguyễn Linh Chi	03/09/1998	Giáo viên	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	1	2,34	01/11/2022	2	2,67	01/05/2025	6		- HTXS NV 2024-2025 - LĐTТ 2023-2024; 2024-2025

5	Vũ Văn Anh	02/09/1999	Giáo viên	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	1	2,34	01/08/2022	2	2,67	01/02/2025	6		- HTXSNV 2024-2025 - LĐTĐ 2023-2024; 2024-2025
6	Lê Thị Thương	08/11/1991	Giáo viên	Giáo viên THCS hạng III	V.07.03.32	3	3,00	01/03/2022	4	3,33	01/09/2024	6		- CSTĐCS năm 2024-2025 - LĐTĐ 2023-2024; 2024-2025
XV	Trường THCS Lê Lợi: 05 người													
1	Phạm Thị Thu	16/08/1978	Giáo viên	Hạng I	V.07.04.30	2	4,74	01/05/2022	3	5,08	01/08/2024	9		- Bằng khen của UBND TP năm 2023-2024 - HTXSNV năm 2023-2024, 2024-2025
2	Tổng Thị Thuận	20/08/1978	Giáo viên	Hạng II	V.07.04.31	3	4,68	01/06/2022	4	5,02	01/12/2024	6		- HTXSNV năm 2022-2023 - LĐTĐ năm 2023-2024, 2024-2025
3	Đặng Thị Vân	01/11/1992	Giáo viên	Hạng III	V.07.04.32	3	3,00	01/08/2022	4	3,33	01/02/2025	6		- HTXSNV năm 2022-2023 - LĐTĐ năm 2023-2024, 2024-2025
4	Nguyễn Thị Vân	04/07/1995	Giáo viên	Hạng III	V.07.04.32	2	2,67	01/06/2022	3	3,00	01/12/2024	6		- HTXSNV năm 2022-2023 - LĐTĐ năm 2023-2024, 2024-2025
5	Nguyễn Thị Thuý	21/04/1988	Giáo viên	Hạng III	V.07.04.32	3	3,00	01/06/2022	4	3,33	01/12/2024	6		- HTXSNV năm 2022-2023 - LĐTĐ năm 2023-2024, 2024-2025
XVI	Trường THCS Đăng Lâm: 05 người													
1	Phạm Thanh Vân	01/12/1973	Giáo viên	GVTHCS hạng I	V. 07.04.30	4	5,42	01/06/2022	5	5,76	01/12/2024	9		- CSTĐCS năm 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025
2	Vũ Thị Minh Thư	16/07/1978	Giáo viên	GVTHCS hạng II	V. 07.04.31	2	4,34	01/05/2022	3	4,68	01/11/2024	6		- LĐTĐ năm 2022-2023; 2023-2024 - CSTĐCS năm 2024-2025
3	Hoàng Thị Hải Yến	09/12/1981	Kế toán	Kế toán viên	06.031	4	3,33	01/12/2022	5	3,66	01/06/2025	6		- HTXSNV năm 2022-2023 - LĐTĐ năm 2023-2024; 2024-2025

4	Đinh Thị Quỳnh Chi	16/04/1976	Giáo viên	GVTHCS hạng II	V. 07.04.31	4	5,02	01/03/2022	5	5,36	01/09/2024	6		- HTXS NV năm 2022-2023 - LĐT năm 2023-2024; 2024-2025
5	Phạm Văn Tiến	31/03/1996	Giáo viên	GVTHCS hạng III	V. 07.04.32	2	2,67	01/11/2022	3	3	01/05/2025	6		- CSTĐCS năm 2024-2025 - LĐT năm 2022-2023; 2023-2024
XVII	Trường THCS Đằng Hải: 07 người													
1	Dương Thị Thảo	18/10/1974	Giáo viên	Giáo viên THCS Hạng I	V.07.04.30	3	5,08	01/03/2022	4	5,42	01/09/2025	6		- CSTĐCS năm học 2023-2024 - LĐT năm 2023-2024, 2024-2025
2	Đỗ Thị Thanh Hoa	9/4/1993	Giáo viên	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	3	3,00	01/07/2022	4	3,33	01/01/2025	6		- CSTĐCS năm học 2024-2025 - LĐT năm 2023-2024, 2024-2025
3	Hoàng Hải Ninh	7/22/1994	Giáo viên	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	2	2,67	01/12/2022	3	3	01/06/2025	6		- CSTĐCS năm học 2024-2025 - LĐT năm 2023-2024, 2024-2025
4	Hoàng Bá Dương	4/25/1997	Giáo viên	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	1	2,34	01/05/2022	2	2,67	01/11/2025	6		- CSTĐCS năm học 2024-2025 - LĐT năm 2023-2024, 2024-2025
5	Phạm Thị Hương Thùy	22/01/1991	GV	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	3	3,00	01/3//2022	4	3,33	01/09/2025	6		- LĐT năm 2023-2024; Xếp loại hoàn thành xuất sắc năm học 2024-2025
6	Đồng Mỹ Ánh	09/3/1974	Nhân viên KT	Kế toán viên	06.032	9	4,58	01/8/2022	10	4,89	01/02/2025	6		- LĐT năm 2023-2024; Xếp loại hoàn thành xuất sắc năm học 2024-2025
7	Vũ Thị Hồng Khánh	9/13/1991	Giáo viên	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	2	2,67	01/8/2022	3	3,00	01/02/2025	6		- Xếp loại hoàn thành xuất sắc năm học 2023-2024 - - LĐT năm 2023-2024, 2024-2025
XVIII	Trường THCS Đông Hải: 09 người													
1	Nguyễn Thị Giang	11/02/1971	Giáo viên	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	4	5,02	01/09/2022	5	5,36	01/03/2025	6		- HTSX NV năm 2023-2024- - LĐT năm học 2023-2024; 2024-2025

2	Phạm Thị Châu Băng	16/07/1977	Giáo viên	Giáo viên THCS Hạng I	V.07.04.30	3	5,08	01/03/2022	4	5,42	01/09/2024	6		- CSTĐCS năm học 2023-2024; - LĐTТ năm học 2024-2025
3	Phùng Thị Lan	07/08/1987	Giáo viên	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	5	3,66	01/10/2022	6	3,99	01/04/2025	6		- CSTĐCS năm học 2021-2022; - LĐTТ năm học 2023-2024; 2024-2025
4	Vũ Thị Tuyết Phượng	02/08/1980	Giáo viên	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	3	4,68	01/04/2022	6	5,02	01/10/2024	6		- HTSXNV năm 2023; - LĐTТ năm học 2023-2024; 2024-2025
5	Đào Phương Loan	17/09/1995	Giáo viên	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	2	2,67	01/08/2022	3	3,00	01/02/2025	6		- HTSXNV năm 2023; - LĐTТ năm học 2023-2024; 2024-2025
6	Đồng Thị Thanh Hoa	09/02/1988	Kế toán	Kế toán Viên	06.031	5	3,66	01/08/2022	6	3,99	01/02/2025	6		- HTSXCNV năm 2024-2025; - LĐTТ năm học 2023-2024; 2024-2025
7	Chu Thị Linh Xuân	25/01/1982	Giáo viên	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	2	4,34	01/09/2022	3	4,68	01/03/2025	6		- HTSXNV năm 2023; Lao động tiên tiên năm học 2023-2024; 2024-2025
8	Lương Thị Bích	14/07/1989	Giáo viên	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	3	3,00	01/06/2022	4	3,33	01/12/2024	6		- HTSXNV năm 2024-2025; - LĐTТ năm học 2023-2024; 2024-2025
9	Nguyễn Thị Vân	10/02/1987	Giáo viên	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	3	3,00	01/03/2022	4	3,33	01/06/2024	9		- CSTĐCS năm học 2021-2022;2022-2023; - LĐTТ năm 2023-2024; 2024-2025
XIX	Trường THCS Nam Hải: 03 người													
1	Khoa Thị Thu Thủy	25/02/1980	Hiệu trưởng	Giáo viên THCS Hạng I	V.07.04.30	2	4,74	01/01/2022	3	5,08	01/04/2024	9	- Chi bộ HTTNV năm 2023; HTXS NV năm 2024 - Tập thể LĐXS năm học 2024-2025 Tập thể LĐTТ năm học 2023-2024	- Bằng khen Bộ trưởng Bộ GD&ĐT năm học 2023-2024; - CSTĐCS năm học 2023-2024;2024-2025
2	Nguyễn Thị Duyên	27/09/1977	Giáo viên	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	4	5,02	01/09/2022	5	5,36	01/03/2025	6		- Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2023-2024; HTXS NV năm học 2023-2024; 2024-2025

3	Nguyễn Thị Phúc	08/08/1996	Giáo viên	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	2	2,67	01/05/2022	3	3,00	01/11/2024	6		- Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2023-2024; HTXSNV năm học 2023-2024; 2024-2025
XX	Trường THCS Trảng Cát: 02 người													
1	Nguyễn Thị Kim Liên	20/02/1979	Giáo viên	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	3	4,68	01/07/2022	4	5,02	01/11/2024	9		- CSTĐCS năm 2023- 2024; 2024-2025; - LĐTT năm học 2022-2023, 2023-2024
2	Nguyễn Thị Lý	4/16/1988	Giáo viên	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	3	3,0	01/07/2022	4	3,33	01/11/2024	9		- CSTĐCS năm 2021- 2022. 2022-2023; - Lao động tiên tiến năm học 2022-2023, 2023-2024.